

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/5/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Mỹ Linh;
Ông Lê Văn Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 168 Thành T, phường Đông T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Căn 719 tầng 7, Chung cư Đông B – 81 Trường T, phường Trường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Hoàng Đức N, sinh năm 1980.

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 168 Thành T, phường Đông T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi làm việc: Phòng kinh doanh – Công ty cơ khí chính xác 11, Bộ Q.

Địa chỉ: 284 Bà T, phường Đông T, thành phố T.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Đức N kết hôn với nhau năm 2006, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông T, thành phố Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra anh N còn ham chơi, nợ nần làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mặc dù chị đã khuyên giải rất nhiều lần nhưng anh N vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn của vợ chồng chị căng thẳng nhất từ tháng 12/2021, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 03/7/2008 và cháu Hoàng Hà L, sinh ngày 19/02/2013. Ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị mỗi con 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi Tòa án có quyết định cho đến khi cháu T, cháu L thành niên. Hiện nay chị và anh N đều làm tại Công ty cơ khí chính xác 11, Bộ Q, có thu nhập ổn định. Kể từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay, cháu T và cháu L vẫn do chị chăm sóc và nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt.

Về tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập, quyết định tố tụng cho anh Hoàng Đức N nhưng anh N không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, chị H thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện về phần cấp dưỡng. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị vì hiện nay ngoài việc làm công nhân tại Công ty cơ khí chính xác 11, Bộ Q có thu nhập ổn định chị còn làm thêm công việc kinh doanh ngoài giờ, đủ điều kiện về kinh tế và chỗ ở để nuôi con còn anh N hiện nay đang còn phải trả nợ nên không có điều kiện về kinh tế để cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thanh Hóa, việc Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là anh Hoàng Đức N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh N.

[3] Về hôn nhân: Chị H và anh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra anh N còn ham chơi, nợ nần làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Mâu thuẫn của anh chị căng thẳng nhất từ tháng 12/2021, chị H và anh N đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N đã không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp chứng tỏ anh cũng không tha thiết hòa giải để đoàn tụ gia đình. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn, tại phiên tòa chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: quá trình chị H và anh N sinh sống tại địa phương vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn của chị H và anh N đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị được ly hôn anh N là có căn cứ.

[4]. Về con chung: Chị H và anh N có hai con chung là cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 03/7/2008 và cháu Hoàng Hà L, sinh ngày 19/02/2013. Ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Kể từ khi chị H và anh N sống ly thân cho đến nay cháu T và cháu L sống cùng với mẹ, chị H vẫn nuôi dạy, chăm sóc các cháu bảo đảm tốt về mọi mặt. Hiện nay chị H có thu nhập và chỗ ở ổn định. Cháu T và cháu L đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Tòa án đã triệu tập anh N để lấy lời khai về việc tranh chấp nuôi con cũng như triệu tập anh N đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, tuy nhiên anh N không có mặt để làm việc, cũng không có văn bản ý kiến trình bày gửi cho Tòa án. Vì vậy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, cháu L và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung của chị H có cơ sở để chấp nhận, phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Hoàng Đức N.

Về con chung: Chị H và anh N có hai con chung là cháu Hoàng Minh T, sinh ngày 03/7/2008 và cháu Hoàng Hà L, sinh ngày 19/02/2013. Ly hôn giao cháu T và cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị H.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H nộp theo biên lai số AA/2021/0001660 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị trấn Thanh Hà (chị H đã nộp đủ án phí).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- UBND P. Đông Thọ, TP Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ..

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Phương